TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP HÀ NỘI** **----------** Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST Ngày: 30 - 9 - 2022 *V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - THÀNH PHỐ HÀNỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Kiều Duy Chinh.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Học.

Ông Lê Xuân Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Mơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị Kim N, sinh năm 1981; có mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Đỗ Quang L, sinh năm 1982; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội.

- Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N- Chi nhánh Đ. Địa chỉ: Tòa CT1A, Khu đô thị T, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trung H- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N- Chi nhánh Đ. Ông Phạm Trung H ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Trần Phương V và ông Vũ Minh T - Cán bộ Ngân hàng N- Chi nhánh H, theo Văn bản ủy quyền số: 839/QĐ-N.HĐ ngày 28/7/2022; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn và các Bản tự khai tiếp theo tại Toà án, chị Đào Thị Kim N trình bày như sau: Chị và anh Đỗ Quang L có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau. Anh chị Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P vào ngày 04/5/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại thôn 5, xã T, huyện P. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị hạnh phúc với nhau bình thường, thi thoảng có xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2019, thì chị và anh L phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Hai vợ chồng thường có những xô xát và bất đồng quan điểm. Anh L có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và có hành động bạo hành với vợ. Sau khi xảy ra sự việc này thì vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không nói chuyện với nhau, không quan tâm nhau. Anh L không có mặt thường xuyên ở nhà, không quan tâm đến gia đình và con cái. Trong quãng thời gian đó thì nhiều lần anh L đánh đập chị. Các con cũng biết việc anh L đánh chị. Do lo sợ ảnh hưởng đến tâm lý của các con khi phải chứng kiến cảnh anh L đánh chị nên chị đã đưa các con ra ngoài ở riêng. Từ tháng 6/2022 đến nay, chị và anh L sống ly thân. Chị cũng đã nhiều lần nói với anh L về việc vợ chồng sẽ ly hôn nhưng anh L không đồng ý và bảo với chị là là thích làm gì thì làm. Anh L sẽ không đến Tòa làm việc xem chị có ly hôn được không. Sau khi Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội thụ lý đơn khởi kiện ly hôn của chị, chị và anh L đã gặp gỡ nhau tại quán cà phê ở quận Bắc Từ Liêm tối ngày 26/7/2022 thì anh L lại tiếp tục có hành vi bạo lực đánh đập chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L để chị sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh L có với nhau 02 con chung là cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 10/12/2008 và cháu Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 22/7/2013. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị là Phó phòng khách hàng cá nhân của Ngân hàng N - Chi nhánh H, thu nhập trung bình mỗi tháng là 25.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ của chị và anh L tại Ngân hàng N- Chi nhánh H cụ thể là các Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7208353/HĐTD ký ngày 09/02/2018, số tiền vay là 2.700.000.000 đồng. Chị và anh L đã trả được cho Ngân hàng 610.000.000 đồng, hiện nay khoản vay này còn 2.090.000.000 đồng tiền gốc. Hợp đồng tín dụng số 01/2022/7208353/HĐTD ký ngày 18/01/2022, hạn mức vay là 2.500.000.000 đồng. Dư nợ hiện tại của khoản vay này là 390.000.000 đồng. Để đảm bảo cho 02 khoản vay trên tại N thì chị và anh L có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số (96a-3) + (96b-3), tờ bản đồ số 02, diện tích 91,5m^2 đã được cấp GCNQSDĐ số CK715792, số vào sổ cấp GCN: CS-PT 05939 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/3/2018 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Đỗ Quang L và bà Đào Thị Kim N. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng công chứng B, Thành phố Hà Nội vào ngày 29/01/2019, số công chứng 214/2019/HĐTC, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD.

Do anh L không đến Tòa án làm việc, Tòa án đến tại nơi cư trú của anh L cũng không gặp được anh L nên không thể tiến hành lấy lời khai của anh L.

- Đại diện Ngân hàng N- Chi nhánh H trình bày: Chị Đào Thị Kim N và anh Đỗ Quang L có ký kết Hợp đồng tín dụng vay tiền tại Ngân hàng N(N) - Chi nhánh Đ, cụ thể các khoản vay của chị N và anh L như sau: Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7208353/HĐTD ký ngày 09/02/2018, số tiền vay là 2.700.000.000 đồng. Dư nợ hiện nay khoản vay này còn 2.090.000.000 đồng tiền gốc. Hợp đồng tín dụng số 01/2022/7208353/HĐTD ký ngày 18/01/2022, hạn mức vay là 2.500.000.000 đồng. Dư nợ hiện tại của khoản vay này là 390.000.000 đồng. Thẻ tín dụng hạn mức 60.000.000 đồng đứng tên anh Đỗ Quang L theo Hợp đồng mở thẻ số 883284/PHT ngày 13/4/2018 giữa N và anh Đỗ Quang L. Để đảm bảo cho các khoản vay trên thì anh L và chị N có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số (96a-3) + (96b-3), tờ bản đồ số 02, diện tích 91,5m^2 đã được cấp GCNQSDĐ số CK715792, số vào sổ cấp GCN: CS-PT 05939 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/3/2018 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Đỗ Quang L và bà Đào Thị Kim N. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng công chứng B, Thành phố Hà Nội vào ngày 29/01/2019, số công chứng 214/2019/HĐTC, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD. Hiện nay, anh Đỗ Quang L và chị Đào Thị Kim N đang được cơ cấu nợ khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7208353/HĐTD ký ngày 09/02/2018 và chậm thanh toán tiền lãi khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/7208353/HĐTD ngày 18/01/2022. Đối với các khoản vay của anh L và chị N tại N - Chi nhánh H. Ngân hàng có quan điểm như sau:

+ Yêu cầu anh Đỗ Quang L và chị Đào Thị Kim N tiếp tục liên đới cùng thực hiện nghĩa vụ phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký đối với N - Chi nhánh Đ.

+ Yêu cầu anh Đỗ Quang L tiếp tục thực hiện nghĩa vụ phát sinh theo Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng đã ký đối với N - Chi nhánh Đ.

+ Yêu cầu anh Đỗ Quang L và chị Đào Thị Kim N tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của bên thế chấp theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số công chứng 214/2019/HĐTC, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD.

Trường hợp anh Đỗ Quang L và chị Đào Thị Kim N không có nhu cầu tiếp tục duy trì các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng thì phải thực hiện tất toán toàn bộ nghĩa vụ đối với các khoản vay tại N – Chi nhánh Đ. Nếu thực hiện được phương án này, N - Chi nhánh Đ sẽ thực hiện giải chấp và giao trả hồ sơ tài sản bảo đảm cho anh L và chị N.

Trường hợp anh Đỗ Quang L và chị Đào Thị Kim N không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ đối với Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có quyền khởi kiện chị N, anh L bằng một vụ kiện khác để đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử

lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số (96a-3) + (96b-3), tờ bản đồ số 02, diện tích 91,5m^2 đã được cấp GCNQSDĐ số CK715792, số vào sổ cấp GCN: CS-PT 05939 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/3/2018 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Đỗ Quang L và bà Đào Thị Kim N. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để để ưu tiên thanh toán cho nghĩa vụ trả nợ của chị Đào Thị Kim N và anh Đỗ Quang L đối với N - Chi nhánh Đ.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của mẹ đẻ chị L là bà Nguyễn Thị C và được bà C cho biết như sau: Bà là mẹ đẻ của chị Đào Thị Kim N. Năm 2007, gia đình bà tổ chức kết hôn cho chị N và anh Đỗ Quang L, sinh năm 1982 là người cùng địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh L và chị N sống tại thôn 5, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng anh L, chị N có với nhau 02 người con là cháu Đỗ Đăng K, sinh năm 2008 và cháu Đỗ Đăng Kh, sinh năm 2013. Quá trình chung sống, bà thấy hai con hạnh phúc bình thường. Chị N cũng ít khi tâm sự với bà chuyện gia đình. Nhưng khoảng cuối năm ngoái, mẹ đẻ anh L là bà Nguyễn Thị Thúy có sang gia đình bà nói chuyện về việc là vợ chồng anh L và chị N mâu thuẫn nhau và nhờ bà khuyên giải hai vợ chồng. Bà có gọi chị N về hỏi chuyện thì chị N cho biết sự tình là anh L có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, khi chị N phát hiện ra, yêu cầu chấm dứt thì anh L lại đánh đập chị. Bà cũng đã đến tận nhà anh L, chị N khuyên giải cả hai vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ tháng 06/2022 đến nay, chị N đã đưa con ra ngoài thuê trọ sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn, bà cũng tôn trọng ý kiến của con và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì được trưởng thôn 5, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội cho biết như sau: Vợ chồng chị Đào Thị Kim N và anh Đỗ Quang L là người dân thôn 5, xã T. Qúa trình chung sống, chị N và anh L xảy ra mâu thuẫn thế nào thì địa phương cũng không rõ. Từ mấy tháng nay không thấy vợ chồng anh L, chị N chung sống với nhau nữa. Anh L vẫn sinh sống tại địa phương nhưng ít khi có mặt ở nhà, còn mẹ con chị N hiện nay đã thuê nhà sống riêng chỗ khác.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh L và đề nghị được nuôi 02 con khi vợ chồng ly hôn. Chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án, phía Ngân hàng N - Chi nhánh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tại phiên tòa chị N cũng không có yêu cầu gì đối với khoản nợ của chị và anh L tại Ngân hàng N - Chi nhánh Đ.

Anh L và đại diện Ngân hàng N - Chi nhánh Đ vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên

đơn là đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội để chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: Đề nghị giao cả hai cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 10/12/2008 và cháu Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 22/7/2013 cho chị N nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu. Về tài sản chung, công sức: Chị N không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết. Về nợ: Do Ngân hàng N - Chi nhánh Đ không nộp tiền tạm ứng án phí yêu cầu độc lập nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết khoản nợ của chị N, anh L tại N - Chi nhánh Đ mà sẽ tách ra thành một vụ kiện khác khi Ngân hàng có yêu cầu. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án theo Đơn khởi kiện của chị Đào Thị Kim N là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, anh L và đại diện Ngân hàng N - Chi nhánh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với với anh Đỗ Quang L và Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đào Thị Kim N và anh Đỗ Quang L kết hôn hợp pháp, anh chị Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P vào ngày 04/5/2007. Quá trình sống chung, chị N và anh L đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị N cho biết là do vợ chồng thường có những xô xát, bất đồng quan điểm. Anh L có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và có hành động bạo hành với vợ. Sau khi xảy ra sự việc thì vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không nói chuyện với nhau, không quan tâm nhau. Anh L không có mặt thường xuyên ở nhà, không quan tâm đến gia đình và con cái. Trong quãng thời gian đó thì nhiều lần anh L đánh đập chị. Các con cũng biết việc anh L đánh chị. Do lo sợ ảnh hưởng đến tâm lý của các con khi phải chứng kiến cảnh anh L đánh chị nên chị đã đưa các con ra ngoài ở riêng. Từ tháng 6/2022 đến nay, chị và anh L sống ly thân. Tiến hành xác minh tại địa phương thì đại diện thôn 5, xã T cũng cho biết nhiều tháng nay vợ chồng chị N và anh L không còn chung sống với nhau. Anh L tuy sống tại địa phương nhưng ít khi về nhà còn chị N và các con đi thuê nhà sống tại nơi khác. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt

được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Đào Thị Kim N được ly hôn anh Đào Quang L.

[3]. Về con chung:

Chị N và anh L có 02 con chung là cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 10/12/2008 và cháu Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 22/7/2013. Nguyện vọng của chị N là được nuôi cả 02 con khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của các bên để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu. Hiện nay, cả cháu K và cháu Kh đều đang ở với chị N và nguyện vọng của các cháu là được tiếp tục sống cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Chị N hiện đang là Phó phòng khách hàng cá nhân của Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, thu nhập trung bình mỗi tháng của chị là 25.000.000 đồng, chị có đủ điều kiện để nuôi con nên chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cả hai cháu Đỗ Đăng K và cháu Đỗ Đăng Kh cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng khi chị và anh L ly hôn.

[4]. Về tài sản chung, công sức:

Chị Đào Thị Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ:

Chị Đào Thị Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ tại các Hợp đồng tín dụng mà chị và anh L đã ký kết tại Ngân hàng N - Chi nhánh Đ. Quá trình giải quyết vụ án, N - Chi nhánh Đ có quan điểm giải quyết về các khoản nợ của chị Đào Thị Kim N và anh Đỗ Quang L tại N - Chi nhánh Đ. Tòa án đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí yêu cầu độc lập yêu cầu N - Chi nhánh Đ nộp tiền tạm ứng án phí để Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng trong vụ án. Tuy nhiên, phía Ngân hàng N - Chi nhánh Đ tuy nhận được Thông báo nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí. Vì vậy, Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng N - Chi nhánh Đ trong vụ án này. Nếu Ngân hàng N - Chi nhánh Đ có yêu cầu đòi nợ đối với chị N và anh L thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[6]. Về án phí:

Chị Đào Thị Kim N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Kim N. Chị Đào Thị Kim N được ly hôn anh Đỗ Quang L.

2. Về con chung: Giao hai cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 10/12/2008 và cháu Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 22/7/2013 cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con cho anh L cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đào Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0040222 ngày 28/06/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị Kim N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Quang L và Ngân hàng N- Chi nhánh Hòai Đức có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Kiều Duy Chinh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận
- *TAND thành phố Hà Nội*;
- *VKSND huyện Phỳc Thọ;*
- *THADS huyện Phỳc Thọ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phỏn- Chủ toạ phiờn toà

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIấN TềA**